NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT; TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

I. Một số nội dung cơ bản về theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Khái niệm về theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo dõi tình hình thi hành pháp luật là hoạt động xem xét, đánh giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với quá trình tổ chức thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền. Trên cơ sở kết quả theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện những vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn triển khai thi hành pháp luật; kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Mục đích của theo dõi thi hành pháp luật

Nhằm mục đích xem xét đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Các nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Khách quan, công khai, minh bạch.

- Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

- Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lắp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

- Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân.

4. Phạm vi, trách nhiệm quản lý nhà nước về theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND các cấp

a) Phạm vi theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- UBND các cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

- Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

- Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tham mưu, giúp người đứng đầu cơ quan chuyên môn theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Trách nhiệm quản lý nước theo dõi tình hình thi hành pháp luật

UBND các cấp có trách nhiệm:

* Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, UBND cấp dưới trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

* Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND.

* Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

* Định kỳ báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

* Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, cụ thể:

- Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, UBND các cấp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung:

+ Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản QPPL;

+ Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật;

+ Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực;

+ Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật;

+ Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

+ UBND cấp huyện có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND tỉnh;

+ UBND cấp xã có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND cấp huyện.

5. Nhiệm vụ quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp pháp luật, tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện công tác kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật;

- Chủ trì xây dựng báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương trình Thủ trưởng cơ quan chuyên môn gửi Sở Tư pháp.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tư pháp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BTP quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tư pháp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

- Xây dựng và trình UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn;

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương;

- Tổng hợp, đề xuất với UBND cấp huyện về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện.

7. Nhiệm vụ quyền hạn của công chức Tư pháp - Hộ tịch trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đối với công tác theo dõi tình tình thi hành pháp luật, công chức Tư pháp - Hộ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn: Chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương;

Công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

8. Phối hợp và huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật có phạm vi rất rộng, chủ thể và đối tượng theo dõi tập trung vào các cơ quan nhà nước, điều này dẫn đến kết quả của công tác theo dõi thi hành pháp luật chưa thật sự bảo đảm tính khách quan. Để nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, tại Điều 4, Điều 6 và Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định về sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và các tổ chức xã hội thông qua hoạt động của các cơ quan, tổ chức này là rất cần thiết. Đặc biệt, khi thực hiện các nội dung xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật; tình hình thi hành được quy định tại Điều 10 và Điều 10a Nghị định số 59/2012/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP)*, Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Điều 18 Nghị định số 59/2012/NĐ-*CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP)* quy định trách nhiệm phối hợp của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các cấp trong việc phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức

thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BTP và Điều 10 Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, theo đó, việc phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị sau:

- Công an tỉnh, Công an cấp huyện cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động điều tra hình sự và xử lý vi phạm hành chính cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động xét xử cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát thi hành pháp luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp huyện và các tổ chức thành viên cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Hội Luật gia tỉnh cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến, kiến nghị của các luật gia về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

- Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến, kiến nghị của các luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

- Các hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính

thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

- Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh kịp thời cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến phản ánh từ dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cá nhân tham gia vào hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên.

Ngoài ra, việc tham gia theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn được thực hiện thông qua đội ngũ cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Theo đó, cộng tác viên am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi được huy động để tham gia hoạt động xây dựng mẫu phiếu khảo sát; xử lý kết quả điều tra, khảo sát; tổng hợp, phân tích, xây dựng báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các hoạt động khác về điều tra, khảo sát; thu thập thông tin; rà soát, đối chiếu tính chính xác, phù hợp của thông tin; đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá trong việc xử lý thông tin; xây dựng báo cáo kết quả xử lý thông tin. Báo cáo phải đưa ra nhận định, đánh giá khách quan, chính xác về tình hình thi hành pháp luật và đưa ra những kiến nghị phù hợp đối với thông tin thu thập được.

Như vậy, sự tham gia của xã hội vào công tác quản lý nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng và mang lại thiết thực cho hoạt động theo dõi thi hành pháp luật. Dư luận xã hội và các thông tin phản ánh từ các tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật trong nhiều trường hợp có những đóng góp quan trọng, tích cực làm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của nhà nước, cũng như trong việc thực hiện pháp luật một cách nghiêm minh, thống nhất.

**** Các cơ quan hành chính nhà nước phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức sau:***

+ Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

+ Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành; điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật; xử lý kết quả theo dõi

tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

9. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP thì cộng tác viên được huy động như sau:

+ Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

+ Các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này được huy động tham gia làm cộng tác viên phải có lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Cá nhân được huy động tham gia làm cộng tác viên phải am hiểu lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

+ Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng theo từng vụ việc cụ thể, trừ trường hợp cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Cộng tác viên theo dõi thi hành pháp luật phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kỷ luật, người đang chấp hành hình phạt, đang bị quản chế hành chính.

+ Tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật hoặc đại học chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

+ Có trình độ, kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với công việc mà cơ quan theo dõi thi hành pháp luật yêu cầu.

- Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật có thể huy động sự tham gia của cộng tác viên trong các hoạt động sau:

+ Xây dựng mẫu phiếu khảo sát; xử lý kết quả điều tra, khảo sát; tổng hợp, phân tích, xây dựng báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các hoạt động khác về điều tra, khảo sát.

+ Thu thập thông tin; rà soát, đối chiếu tính chính xác, phù hợp của thông tin; đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá trong việc xử lý thông tin.

+ Xây dựng báo cáo kết quả xử lý thông tin. Báo cáo phải đưa ra nhận định, đánh giá khách quan, chính xác về tình hình thi hành pháp luật và đưa ra những kiến nghị phù hợp đối với thông tin thu thập được.

- Ký hợp đồng với cộng tác viên

+ Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật ký hợp đồng theo từng vụ việc cụ thể với những cá nhân có đủ điều kiện theo quy định.

Thù lao cho cộng tác viên theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc chi trả thù lao cho cộng tác viên căn cứ vào các hoạt động, kết quả công việc mà cộng tác viên đã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

+ Nội dung hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật và cộng tác viên tuân theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

+ Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật và cộng tác viên có trách nhiệm thanh lý hợp đồng cộng tác sau khi kết thúc công việc và làm các thủ tục thanh quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Những nội dung của việc xem xét, đánh giá hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP, Thông tư số 14/2014/TT-BTP thì nội dung xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật gồm:

- Xem xét đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật với các nội dung:

+ Tính kịp thời đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết;

+ Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản;

+ Tính khả thi của văn bản.

- Xem xét, đánh giá tình hình đảm bảo các điều kiện cho thi hành pháp luật:

+ Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật;

+ Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật;

+ Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

- Xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật:

+ Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

+ Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

+ Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật:

+ Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước được giao.

+ Căn cứ vào việc xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá tác động tích cực, tác động tiêu cực của việc thi hành các quy định của pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội.

11. Phương thức theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP thì hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện bằng những phương thức sau:

- Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật *(Điều 11);*

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật *(Điều 11a)*;

- Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật *(Điều 12);*

- Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật *(Điều 13);*

- Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật *(Điều 14).*

II. Nghiệp vụ cơ bản trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1.1. Yêu cầu đối với văn bản quy định chi tiết

Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: Văn bản QPPL phải được quy định cụ thể để khi có hiệu lực thì thi hành được ngay. Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp

Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết và phải được ban hành có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết nhiều nội dung của một văn bản QPPL thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết các nội dung đó, trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết các nội dung của nhiều văn bản QPPL khác nhau thì có thể ban hành một văn bản để quy định chi tiết.

1.2. Nội dung xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải thường xuyên cập nhật tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên để kịp thời rà soát, xác định các nội dung được giao quy định chi tiết. Việc rà soát được thực hiện đối với từng văn bản và phải được thực hiện đối với tất cả các nội dung trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên để xác định các nội dung giao quy định chi tiết. Để có thể tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết kịp thời, đầy đủ, việc rà soát này phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời ngay sau khi các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phải được phân loại theo thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi rà soát xác định nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan rà soát phải lập danh mục các nội dung giao quy định chi tiết đối với từng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên để dự kiến danh mục văn bản quy định chi tiết.

Việc xác định tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Việc dự kiến các mốc thời gian thực hiện phải căn cứ tùy theo tính chất mức độ các công việc cần phải thực hiện mà dự kiến khoảng thời gian thực hiện cho phù hợp để các cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được theo đúng tiến độ đã đề ra;

+ Thời điểm ban hành văn bản quy định chi tiết phải được cân nhắc tính toán hợp lý để bảo đảm văn bản quy định chi tiết có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung giao quy định chi tiết. Vì trong một số trường hợp thì thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết và thời điểm có hiệu lực của nội dung giao quy định chi tiết không trùng nhau. Đối với trường hợp này thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết phụ thuộc vào thời điểm có hiệu lực của nội dung giao quy định chi tiết. Theo đó bảo đảm nguyên tắc văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực cùng thời điểm với nội dung giao quy định chi tiết.

1.3. Nội dung xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn) rà soát, xem xét, đánh giá tình trạng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có quy định trái, chồng chéo, mâu thuẫn với quy định khác trong chính văn bản đó và với quy định của các văn bản sau:

+ Văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát, bao gồm cả điều ước quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký hoặc gia nhập sau thời điểm ban hành văn bản được rà soát;

+ Văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát;

+ Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát. Trường hợp các văn bản là căn cứ để rà soát, đối chiếu có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; nếu các văn bản là căn cứ để rà soát, đối chiếu do một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản được ban hành sau. Căn cứ kết quả xem xét, đánh giá, cơ quan chuyên môn phát

hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý, gửi về tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã để tổng hợp. Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin cơ quan tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

1.4. Nội dung xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được xem xét các nội dung cơ bản:

- Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán; theo đó cần xem xét, đánh giá sự phù hợp của các cơ chế, chính sách quy định trong văn bản quy định chi tiết đối với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, phong tục tập quán, ý thức chấp nhận của người dân và các điều kiện thực tiễn thi hành các quy định đó;

+ Sự phù hợp của các quy định của văn bản quy định chi tiết với các điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để tổ chức đưa các quy định đó đi vào cuộc sống;

+ Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý: sự toàn diện của các biện pháp, sự tương xứng, hợp lý của các chế tài trong văn bản quy định chi tiết so với yêu cầu giải quyết vấn đề; mức độ đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, sự hài hòa về lợi ích giữa các chủ thể;

+ Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện. Các quy định của văn bản quy định chi tiết phải phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân;

+ Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để bảo đảm dễ hiểu và được áp dụng một cách thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

Căn cứ kết quả xem xét, đánh giá, cơ quan chuyên môn phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về cơ quan tư pháp để tổng hợp. Cơ quan tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

1.5. Thẩm quyền trách nhiệm theo dõi tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết ở địa phương

- UBND các cấp theo dõi tình hình xây dựng ban hành văn bản quy định chi tiết trong phạm vi quản lý ở địa phương;

- Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, làm đầu mối giúp UBND cấp tỉnh theo dõi tình hình xây dựng ban hành văn bản quy định chi tiết trong phạm vi quản lý ở địa phương. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo tình hình tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết cho Sở Tư pháp để theo dõi tổng hợp, báo cáo chung.

1.6. Nguồn để cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật thu thập thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết

Người làm công tác theo dõi tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết cần thu thập, xử lý, phân tích đánh giá các thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết từ các nguồn sau:

- Trực tiếp từ kết quả hoạt động rà soát lập danh mục văn bản quy định chi tiết, tham gia quá trình nghiên cứu xây dựng, ban hành văn bản.

- Thông tin từ các cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức trực tiếp làm đầu mối thực hiện theo dõi tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc trực tiếp tham gia vào quá trình tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Kết quả hoạt động rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

- Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội.

- Thông tin từ các văn bản góp ý, đánh giá tác động kiểm soát thủ tục hành chính, thẩm định, thẩm tra, báo cáo tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý các báo cáo về về tình hình hình triển khai thi hành pháp luật,...

Như vậy, cơ quan theo dõi có thể thu thập thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua phương tiện thông tin đại chúng... Tuy nhiên, thông tin về tiến độ, tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết chủ yếu được thu thập từ cơ quan có trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản. Việc thu thập thông tin từ cơ quan này sẽ bảo đảm tính kịp thời và độ tin cậy cao hơn.

1.7. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

Nội dung xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật được quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và được quy định chi tiết tại Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, bao gồm:

- Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật: xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp;

- Tính phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật: xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế, đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực, gửi cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung;

***- Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật*:** xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với thực trạng bảo đảm, đánh giá

về mức độ đáp ứng của việc bảo đảm, kiến nghị việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất, gửi cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.

Cơ quan tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ và cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp tổng hợp, phân tích, xem xét các nội dung trên báo cáo UBND cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

1.8. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật

Nội dung xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật được quy định tại Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và được quy định chi tiết tại Điều 5 Thông tư số 14/2014/NĐ-CP, bao gồm:

***- Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền*:** trách nhiệm của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền là thi hành các quy định của pháp luật một cách đầy đủ, kịp thời. Việc thi hành pháp luật một cách chậm trễ và không đầy đủ của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trong nhiều trường hợp sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân. Để đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc thi hành pháp luật, chủ thể theo dõi thi hành pháp luật cần tìm ra những quy định, những vụ việc cụ thể không được các cơ quan nhà nước và có thẩm quyền thi hành một cách kịp thời, đầy đủ, tìm ra nguyên nhân và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

- Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền: cơ quan chuyên môn phát hiện, lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ, hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể.

Để đánh giá tình hình áp dụng pháp luật, các chủ thể theo dõi thi hành pháp luật cần thu thập các thông tin về việc ban hành các quyết định áp dụng pháp luật, trong đó cần chỉ ra cụ thể các quyết định của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, các quyết định không bảo

đảm tính chính xác theo quy định; đặc biệt các quyết định áp dụng pháp luật không đảm bảo quyền lợi của người dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

***- Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân*:**

Tình hình tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân có thể được xem xét, đánh giá thông qua nhiều tiêu chí và yếu tố khác nhau, song việc đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật rõ ràng, cụ thể và chính xác nhất là thông qua việc xem xét, đánh giá về tình hình vi phạm pháp luật. Trách nhiệm của chủ thể thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật là phải nắm bắt được các thông tin, số liệu về tình hình vi phạm pháp luật, mức độ vi phạm, các loại hành vi vi phạm pháp luật điển hình nổi lên trong từng thời kỳ, tìm ra nguyên nhân của tình hình vi phạm, từ đó đưa ra kiến nghị về các giải pháp hạn chế vi phạm pháp luật.

Theo quy định hiện hành, cơ quan chuyên môn thực hiện đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực; xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

Cơ quan tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo dõi phân tích, xem xét các nội dung trên báo cáo UBND cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

1.9. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại Điều 10a Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và Thông tư số 04/2021/TT-BTP thì nội dung nội dung xem xét đánh giá tình hình thi hành pháp luật được thực hiện như sau:

- Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước.

- Trên cơ sở đánh giá về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản QPPL; tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật, UBND các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá tác động tích cực, tác động tiêu cực của việc thi hành các quy định của pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội.

2. Hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật

2.1. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật

UBND các cấp tổng hợp thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật từ báo cáo của các cơ quan nhà nước theo các nội dung:

- Số lượng, hình thức và tên văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

- Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

- Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

- Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

* UBND các cấp thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do các tổ chức, cá nhân cung cấp; tổ chức, cá nhân có thể trực tiếp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật hoặc qua trang thông tin điện tử của UBND các cấp; thông tin đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

2.2. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2.2.1. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật ban hành, thể hiện nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo nguyên tắc có trọng tâm, trọng điểm. Trong đó, quy định về mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi hoạt động, tiến độ triển khai, thời

gian hoàn thành và trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong việc triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá theo yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2.2.2. Thẩm quyền xây dựng ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP và Điều 7 Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh:

- Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

- Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND cấp trên trực tiếp và thực tiễn thi hành pháp luật, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND cấp trên trực tiếp, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi tổng hợp.

- Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm của tỉnh, tình hình thực tế tại đơn vị hoặc theo văn bản chỉ đạo của ngành chuyên môn, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý theo thời hạn được quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh và gửi kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để theo dõi, tổng hợp.

2.2.3. Những nội dung chủ yếu của kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP thì kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích, yêu cầu;

- Lĩnh vực pháp luật theo dõi, đánh giá;

- Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và tiến độ thực hiện;

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch;

- Kinh phí thực hiện kế hoạch.

2.2.4. Căn cứ để xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi trong kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương

Căn cứ kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành; kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

2.3. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

2.3.1. Mục đích kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật là một hoạt động hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, đồng thời lại là hoạt động kiểm soát hoạt động hành chính. Theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP, Thông tư số 04/2021/TT-BTP, hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật là một nội dung quan trọng của hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và được thực hiện trong phạm vi trách nhiệm theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP nhằm kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật và khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật.

Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật:

- Nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

- Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của bộ, ngành, địa phương tập trung vào việc xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật.

Như vậy, mục đích kiểm tra tình hình thi hành pháp luật nhằm phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật; phát hiện khiếm khuyết, bất cập cụ thể của hệ thống pháp luật; tìm ra nguyên nhân cụ thể của khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật và kiến nghị với người đứng đầu cơ quan đã ra quyết định kiểm tra các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật. Trong đó làm rõ trách nhiệm của cơ quan

thi hành pháp luật, trách nhiệm của người có liên quan. Nhìn trên bình diện tổng thể, mục đích cuối cùng của kiểm tra tình hình thi hành pháp luật cũng là mục đích của theo dõi thi hành pháp luật, đó là bảo đảm cho pháp luật được tổ chức thi hành nghiêm minh, kịp thời; bảo đảm toàn bộ hoạt động thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật; kịp thời phát hiện các sai sót, vi phạm trong tổ chức thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật, các khiếm khuyết, hạn chế của quy định pháp luật, từ đó có các giải pháp xử lý nhằm phát huy hiệu lực, hiệu quả điều chỉnh của pháp luật.

2.3.2. Chủ thể kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

Chủ thể kiểm tra tình hình thi hành pháp luật là các chủ thể theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Điều 5 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP. Theo đó:

- Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, lĩnh vực được phân công của cơ quan thuộc Chính phủ.

- UBND các cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, UBND cấp dưới trực tiếp; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu, giúp UBND cùng cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

2.3.3. Trình tự, thủ tục kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP có quy định: *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật" và* quy định khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP có thể hiểu quy trình kiểm tra tình hình thi

hành pháp luật được thực hiện theo các bước giống như hoạt động kiểm tra hành chính nói chung.

- Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp thành lập các đoàn kiểm tra.

- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra bao gồm các nội dung cơ bản sau đây: ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ ban hành quyết định; đối tượng kiểm tra; nội dung kiểm tra; họ, tên, chức vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên; quyền hạn và trách nhiệm của đoàn kiểm tra; quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra.

- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được gửi cho đối tượng được kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng được kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra các nội dung theo quy định tại quyết định thành lập đoàn kiểm tra, trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế, xác minh các thông tin, tài liệu, kết quả tình hình thi hành pháp luật để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

- Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

- Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong thi hành pháp luật; kiến nghị thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

Như vậy, đối với những khiếm khuyết, bất cập của pháp luật, Đoàn kiểm tra báo cáo để người đứng đầu cơ quan có văn bản chỉ đạo cơ quan có liên quan nghiên cứu xây dựng văn bản để ban hành nhằm khắc phục bất cập, khiếm khuyết trong các văn bản do mình ban hành hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về bất cập, khiếm khuyết trong văn bản do cơ quan đó ban hành. Đối với những khó khăn ảnh hưởng tới các điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật như kinh phí, tổ chức, biên chế, nghiệp vụ..., đoàn kiểm tra kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật. Đối với những sai phạm được phát hiện trong quá trình kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, Đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra xem xét, chỉ đạo hướng xử lý.

Để thực hiện tốt công tác xử lý kết quả kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, Đoàn kiểm tra có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định kiểm tra về tình hình thực hiện các biện pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, xử lý hành vi vi phạm trong việc thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

2.4. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

2.4.1. Mục đích điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật là phương pháp thu thập thông tin về các hiện tượng và quá trình thực hiện pháp luật trong những điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể, qua đó phân tích thực trạng thi hành pháp luật, giúp các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt dư luận, tiếp nhận ý kiến, sáng kiến của các đối tượng được điều tra, từ đó đánh giá hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật đã ban hành và đề xuất giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật, giải pháp thực thi pháp luật.

Mục đích điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật là tìm hiểu, đánh giá thực trạng hoạt động thi hành pháp luật trong một hoặc một vài lĩnh vực cụ thể tại một hoặc một số địa bàn từ phía cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, và người dân. Mục tiêu cụ thể là:

- Thu thập thông tin từ phương pháp điều tra, khảo sát để trên cơ sở đó phân tích thông tin, dữ liệu và đưa ra những nhận định về thực trạng tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực một vài lĩnh vực cụ thể tại một/một số địa bàn;

- Góp phần nâng cao hiệu quả thi hành tại một/một số địa bàn được điều tra, khảo sát nói riêng và từ đó nhân rộng ra phạm vi toàn quốc nói chung;

- Góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực lựa chọn điều tra, khảo sát.

2.4.2. Căn cứ tiến hành hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP, căn cứ để tiến hành hoạt động điều tra, khảo sát trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm có: Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành; theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật cần bảo đảm những yêu cầu sau đây:

- Hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật phải phù hợp với kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (về nội dung, phạm vi không gian, thời gian) và quy định của pháp luật (chức năng, nhiệm vụ, quy định tài chính; các nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định trong Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP);

- Thông tin, dữ liệu được thu thập sát thực nhất, không trùng lặp, chồng chéo với thông tin từ các hoạt động khác (yêu cầu báo cáo, đề nghị cung cấp, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thông tin thu thập qua các kênh khác);

- Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật cần phối hợp và huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân;

- Kế hoạch điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật cần xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc triển khai thực hiện công việc được giao trên nguyên tắc thực sự tiết kiệm, hiệu quả;

- Hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật đòi hỏi kết hợp giữa kỹ năng nghiên cứu, đánh giá quy định pháp luật cụ thể với kỹ năng thống kê, phân tích số liệu, phân tích kinh tế.

2.4.3. Đối tượng, nội dung chủ yếu được điều tra, khảo sát

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 04/2021/TT-BTP, đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát gồm:

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát;

+ Các chuyên gia, nhà khoa học am hiểu về lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

- Nội dung điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Theo đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành điều tra, khảo sát về ba vấn đề: tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết; tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật và tình hình tuân thủ pháp luật.

2.4.4. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ khảo sát

Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP thì: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp thực hiện điều tra khảo sát thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

2.5. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật

Thông tin về tình hình thi hành pháp luật tự bản thân nó không có giá trị nếu chỉ dừng ở mức độ tìm kiếm, thu thập thông tin mà không có quy trình xử lý để sử dụng thông tin đó phục vụ yêu cầu nhiệm vụ. Việc xử lý các thông tin thu được trong quá trình theo dõi thi hành pháp luật thường hướng tới mục đích của hoạt động này là nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật nêu tại Điều 3 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Trên thực tế, thi hành pháp luật do nhiều cơ quan tiến hành với nhiều biện pháp khác nhau, hiệu quả thi hành pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan, khách quan. Vì vậy nội dung xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật rất đa dạng. Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP chỉ quy định các nội dung cốt yếu trong việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Theo đó, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật là việc các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm khắc phục các bất cập của tình hình thi hành pháp luật, của hệ thống pháp luật, góp phần bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm minh, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện.

2.5.1. Phương thức xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật

Trong hoạt động xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền có thể căn cứ vào thẩm quyền do pháp luật quy định mà lựa chọn các phương thức xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật. Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, có **02** phương thức xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền có thể thực hiện, đó là:

- Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: là việc cơ quan theo dõi thi hành pháp luật, trên cơ sở kết quả theo dõi sẽ tự mình thực hiện một hoặc nhiều biện pháp được quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Bộ Tư pháp hoặc của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, vì tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định: *"Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Bộ Tư pháp hoặc của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ"*.

- Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật: đây là phương thức áp dụng trong trường hợp các biện pháp xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật nêu tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan tổ chức việc theo dõi thi hành pháp luật mà phải thực hiện việc kiến nghị cấp có thẩm quyền để xử lý kết quả theo dõi trên. Kiến nghị xử lý chủ yếu được thực hiện đối với việc: Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật. Mặc dù Nghị định số 59/2012/NĐ-CP không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nhưng các kiến nghị này được thực hiện theo trình tự, thủ tục hành chính bình thường, theo đó: UBND cấp dưới kiến nghị UBND cấp trên trực tiếp; UBND cấp tỉnh kiến nghị Bộ, cơ quan ngang Bộ; Bộ, cơ quan ngang Bộ kiến nghị Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực. Việc kiến nghị đối với văn bản do Chính phủ, Ủy ban

thường vụ Quốc hội, Quốc hội ban hành được thực hiện theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Văn bản kiến nghị cần được gửi cho cơ quan tư pháp thuộc UBND, tổ chức pháp chế thuộc Bộ, ngành là cơ quan chủ trì tham mưu về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Đối với kiến nghị gửi Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thì cần gửi Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong cả nước để theo dõi chung.

2.5.2. Các biện pháp xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Theo quy định tại Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định, cụ thể để khi có hiệu lực thì thi hành được ngay. Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết. Điều 83 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định về trách nhiệm triển khai xây dựng văn bản quy định chi tiết như sau:

+ Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; định kỳ hằng quý và hằng năm báo cáo Chính phủ.

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước trong danh mục văn bản quy định chi tiết; định kỳ hằng quý và hằng năm báo cáo tiến độ, tình hình ban hành văn bản quy định, chi tiết với Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) đã quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm triển khai xây dựng văn bản quy định chi tiết như trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết *(Điều 28 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP),* theo đó các Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo văn bản

quy phạm pháp luật có nội dung được giao quy định chi tiết có trách nhiệm lập và gửi danh mục văn bản quy định chi tiết đến Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ lập và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. Về trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết *(Điều 29 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)* quy định cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm*"Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh"*, khoản 2, 3 Điều 29 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan tư pháp ở Trung ương và địa phương. Theo đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm: theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết; hằng quý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Trách nhiệm của Sở Tư pháp: theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước ở địa phương để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết; hằng quý, báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

- Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật

Thực tế tổ chức thi hành pháp luật ở nước ta cho thấy, công tác tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, nhất là văn bản mới được ban hành có vai trò rất quan trọng, nhằm hướng dẫn cán bộ, nhân dân thực hiện các quy định pháp luật một cách chính xác, thống nhất. Việc tập huấn cho cán bộ, công chức có trách nhiệm thi hành pháp luật có thể tiến hành bằng nhiều hình thức như tổ chức hội

nghị quán triệt, mở lớp bồi dưỡng, biên soạn tài liệu, kiểm tra sự hiểu biết của cán bộ, công chức về lĩnh vực pháp luật mà họ phụ trách, v. v…

Đối với nhân dân, các hình thức phổ biến pháp luật chủ yếu được quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, cụ thể là:

+ Họp báo, thông cáo báo chí.

+ Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

+ Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa - nô, áp - phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

+ Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật.

+ Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

+ Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

+ Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

Cũng cần lưu ý là pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật có quy định cụ thể các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu cho từng đối tượng đặc thù. Vì vậy, ngoài các biện pháp phổ biến pháp luật nói chung đã được quy định tại Điều 11 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, cần thực hiện các biện pháp phổ biến pháp luật cho các đối tượng đặc thù.

Về biên chế, đối với những lĩnh vực pháp luật quan trọng, tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, khối lượng công việc phải giải quyết nhiều thì nhất

thiết cần có cán bộ, công chức chuyên trách. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần xác định được vấn đề đó để xử lý.

Kinh phí cho thi hành pháp luật bao gồm cả kinh phí cho sự vận hành của bộ máy thi hành pháp luật và kinh phí để triển khai quy định của pháp luật trên thực tế, nhất là những khoản chi bắt buộc cho các đối tượng được thụ hưởng.

- Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực

Có thể nói, kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực là một trong những bất cập lớn nhất trong thi hành pháp luật hiện nay. Nguyên nhân có thể là do văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, kịp thời, do chờ đợi sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên, do thiếu cán bộ, do nhận thức… Nhưng đây là tình hình rất không bình thường, làm hạn chế hiệu lực của pháp luật, giảm sút niềm tin vào pháp luật, nhất là trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền. Vì vậy, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần tìm ra nguyên nhân cụ thể cản trở, làm chậm trễ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực. Từ đó có giải pháp khắc phục, kịp thời thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên thực tế.

Hiện nay, theo quy định tại Điều 183 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực tập trung vào việc thực hiện các nhiệm vụ sau: xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện chính sách, biện pháp trong văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có); tập huấn văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực để triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo việc tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị, xử lý vướng mắc trong việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật

Khi phát hiện có sự không chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng quy định pháp luật thì cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần kịp thời có biện pháp chấn chỉnh.

+ Về thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật

Công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật thường do các cơ quan chuyên môn như Tổng cục, Cục, Chi cục, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh quản lý chuyên ngành thực hiện. Việc hướng dẫn áp dụng pháp luật không chính xác là làm sai lệch quy định pháp luật được hướng dẫn. Hướng dẫn áp dụng pháp luật không thống nhất là cùng một quy định pháp luật nhưng hướng dẫn áp dụng cho mỗi đối tượng một khác, mỗi lúc một khác, mỗi nơi một khác.

Văn bản hướng dẫn thường được ban hành dưới hình thức công văn do cơ quan hướng dẫn phát hành. Cũng có thể đó là sự chỉ đạo bằng lời nói. Văn bản hướng dẫn, sự chỉ đạo bằng lời nói có thể là hướng dẫn chung cho nhiều đối tượng áp dụng và cũng có thể chỉ cho một đối tượng khi có vụ việc cụ thể.

Các biện pháp khắc phục tình trạng này là hủy bỏ văn bản hướng dẫn sai, cải chính sự chỉ đạo bằng lời nói. Nếu cần thiết thì ban hành văn bản hướng dẫn mới bảo đảm sự chính xác, thống nhất.

+ Về thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật không chính xác có thể xảy ra trong các trường hợp: Lựa chọn quy định pháp luật để áp dụng không đúng đối với tình huống thực tế; lựa chọn quy định pháp luật đã hết hiệu lực tại thời điểm xảy ra tình huống thực tế; áp dụng sai đối tượng; áp dụng sai lệch so với quy định pháp luật; áp dụng sai thẩm quyền so với quy định pháp luật.

Việc áp dụng pháp luật thường được thực hiện bằng quyết định hành chính đơn hành như xử phạt VPHC, giải quyết khiếu nại, cấp các loại giấy phép, thu hồi đất, đền bù để giải phóng mặt bằng,…

Áp dụng pháp luật không thống nhất cũng như hướng dẫn áp dụng pháp luật không thống nhất đó là sự thiếu nhất quán theo đối tượng, thời gian, không gian.

Biện pháp khắc phục đối với áp dụng pháp luật không chính xác, thống nhất là hủy bỏ quyết định đã ban hành, ban hành quyết định mới cho chính xác, thống nhất.

Đương nhiên vấn đề trách nhiệm của người ban hành quyết định không chính xác, thống nhất sẽ được đặt ra. Nhưng đó là hoạt động quản lý khác của

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp tiến hành, không thuộc nội dung theo dõi thi hành pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật

Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu được thực hiện khi phát hiện có khiếm khuyết, bất cập cụ thể của hệ thống pháp luật nhằm khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn, sơ hở của các quy định pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; bổ sung quy định còn thiếu hoặc sửa đổi quy định không phù hợp với thực tế.

Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay gồm có 15 loại văn bản, từ Hiến pháp cho đến các đạo luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định… do các cơ quan có thẩm quyền ban hành như: Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp….

Vì vậy, khi thực hiện biện pháp sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cần căn cứ vào thẩm quyền quy định tại Chương II Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để thực hiện.

- Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành và địa phương quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, có thể thấy những biện pháp xử lý khác là những biện pháp thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp, nhằm bảo đảm thực hiện mục đích của theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Các *"biện pháp khác"* có thể là tiến hành xử lý trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân có sai phạm hoặc ban hành văn bản đề nghị thực hiện các biện pháp xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; văn bản kiến nghị lên cấp trên của cơ quan nhà nước có trách nhiệm xử lý kiến nghị trong hoạt động kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật; văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật.

2.5.3. Trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân trong xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm của các cơ quan trong xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật như sau:

- Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong báo cáo hằng năm gửi Bộ Tư pháp.

- Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị này gửi Bộ Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

- Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc quyết định áp dụng pháp luật chưa bảo đảm tính chính xác, vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các cấp phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các cấp có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các cấp phải kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền được quy định tại Điều 118, Điều 119 và Điều 120 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2.6. Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật

2.6.1. Chủ thể xây dựng báo cáo theo dõi thi hành pháp luật

Theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP thì chế độ báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được áp dụng đối với Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp.

Trong đó:

- Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước chậm nhất vào ngày 25/12 của kỳ báo cáo (*khoản 5 Điều 15 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP*);

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành và địa phương chậm nhất vào ngày 10/12 của kỳ báo cáo (*khoản 6 Điều 16 và khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP*);

- UBND cấp huyện, xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND cấp trên trực tiếp (cơ quan Tư pháp tham mưu).

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực yêu cầu cho UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp).

2.6.2. Phân loại báo cáo theo dõi thi hành pháp luật

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2021/TT-BTP, thì Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau đây:

- Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm;

- Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

- Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật.

Như vậy, có thể phân loại báo cáo theo dõi thi hành pháp luật như sau:

+ Báo cáo định kỳ hằng năm: đây là báo cáo tổng hợp của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP có trách nhiệm báo cáo với cơ quan cấp trên về tiến độ, kết quả việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật trong một năm.

+ Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật: đây là báo cáo kết quả thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ về tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung,ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ.

+ Báo cáo đột xuất: đây là báo cáo khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải áp dụng các biện pháp nhằm kịp thời ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra cho đời sống xã hội; báo cáo về kết quả xử lý các kiến nghị theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Báo cáo chuyên đề: đây là báo cáo phục vụ chủ yếu cho công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương trên cơ sở kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm xây dựng báo cáo trong phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực, địa bàn của mình và gửi về cơ quan nhà nước cấp trên để tổng hợp, xây dựng báo cáo chung.

2.6.3. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo

Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật được thể hiện bằng một trong các hình thức sau: báo cáo bằng văn bản (là bản có chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ quan báo cáo và đóng dấu phát hành theo quy định) và gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai. Báo cáo bằng văn bản điện tử có chữ ký số.

Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi qua fax;

- Gửi qua hệ thống thư điện tử dưới dạng tệp ảnh (định dạng PDF) hoặc văn bản điện tử có ký số;

- Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2.6.4. Phương pháp xây dựng báo cáo theo dõi thi hành pháp luật

- Xác định kỳ báo cáo, thời gian lấy số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo theo dõi thi hành pháp luật:

Tùy theo mục đích yêu cầu của bản báo cáo, báo cáo định kỳ hằng năm, quý, tháng hay báo cáo chuyên đề mà người xây dựng báo cáo xác định thời điểm lấy số liệu báo cáo. Báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được xây dựng định kỳ hằng năm, báo cáo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất.

Thời gian lấy số liệu của báo cáo và thời hạn gửi báo cáo định kỳ hằng năm của UBND các cấp được thực hiện như sau: thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo Thủ tướng Chính phủ chậm nhất vào ngày 25/12 của kỳ báo cáo. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 10/12 của ký báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo từ 01/12 của năm trước báo cáo đến 30/11 của kỳ báo cáo; UBND tỉnh quy định thời hạn gửi báo cáo phù hợp khi ban hành chế độ báo cáo định kỳ.

2.6.5. Nội dung báo cáo

Nội dung báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản QPPL được thực hiện theo Phụ lục I, II mẫu đề cương báo cáo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

III. Quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương

1. Trách nhiệm UBND các cấp

Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định UBND các cấp có trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật. Đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật, trách nhiệm theo dõi thi hành pháp luật được quy định tập trung tại Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, theo đó UBND các cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương. Cụ thể là:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, UBND cấp dưới trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương;

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND;

- Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Hằng năm, UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước ngày 10/12;

- UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND cấp trên trực tiếp: Tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP không quy định cụ thể thời điểm gửi báo cáo của UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Theo đó, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) quy định *"UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp"*. Do đó, tại Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của UBND tỉnh và văn bản đôn đốc báo cáo của Sở Tư pháp đã xác định: UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 02/12 năm báo cáo (Thông qua Phòng Tư pháp); Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh trước ngày 05/12 năm báo cáo (thông qua Sở Tư pháp).

** Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30/11 của kỳ báo cáo.*

- Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP thì:

+ UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Bộ Tư pháp hoặc của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

+ UBND cấp dưới có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của UBND cấp trên trực tiếp.

2. Trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện theo dõi thi hành pháp luật

Trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho UBND các cấp quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Theo đó, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công. Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tham mưu, giúp người đứng đầu cơ quan chuyên môn theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Bên cạnh đó, Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh và Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện. Theo đó, Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

2.1. Về nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp và Phòng tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch trong công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 07/2020/TT-BTP, Sở Tư pháp có nhiệm vụ và quyền hạn sau trong trong tác theo dõi thi hành pháp luật: Xây dựng, trình UBND cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn; Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; kiến nghị với UBND cấp tỉnh về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành pháp luật với UBND cấp tỉnh và Bộ Tư pháp; Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước UBND cấp tỉnh.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tư pháp về công tác theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BTP, cụ thể: Xây dựng và trình UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn; Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; Tổng hợp, đề xuất với UBND cấp huyện về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức Tư pháp - Hộ tịch, công chức chuyên môn cấp xã trong công tác theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật, công chức Tư pháp - Hộ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

Công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

2.2. Về nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

Theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật, tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn như sau: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật; chủ trì xây dựng báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương trình Thủ trưởng cơ quan chuyên môn gửi Sở Tư pháp.

3. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND các cấp đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử;

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật;

- Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các Đoàn Luật sư cấp tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật;

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác;

- Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

IV. Phối hợp trong thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật

Theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 16/02/2022 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì các đơn vị thực hiện hoạt động phối hợp trong theo dõi thi hành pháp luật với các nội dung sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1.1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Tổng hợp kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh do các sở, ngành thực hiện để tham mưu UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền

hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định;

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn tỉnh với nội dung, hình thức phù hợp;

- Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

1.2. Trách nhiệm của các sở, ngành

- Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực quản lý;

- Rà soát, theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn; tổng hợp những phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật theo thẩm quyền quản lý gửi Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định;

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực quản lý.

1.3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quản lý;

- Rà soát, theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn; tổng hợp những phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật theo thẩm quyền quản lý gửi Sở Tư pháp để tổng hợp; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định;

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý.

1.4. Trách nhiệm của UBND cấp xã

- Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quản lý;

- Rà soát, theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời

phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn; tổng hợp những phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật theo thẩm quyền quản lý gửi Phòng Tư pháp để tổng hợp; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định;

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn quản lý.

2. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

2.1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND có trách nhiệm: phối hợp thu thập, tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý từ phản ánh của dư luận trên các phương tiện thông tin đại chúng; phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân; qua hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo chỉ đạo của UBND cùng cấp; thông tin từ hoạt động quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

2.2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu UBND cùng cấp:

- Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thông qua các hoạt động: điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình thi hành pháp luật hằng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, của UBND cấp dưới trực tiếp;

- Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn từ các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử cung cấp; phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân.

2.3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu UBND cấp xã thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thông qua báo cáo tình hình thi hành pháp luật hằng năm của địa phương; từ các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra cung cấp.

3. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

3.1. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh:

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trình trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch;

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp có ý kiến góp ý vào nội dung dự thảo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

3.2. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc UBND

- Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm của UBND tỉnh, tình hình thực tiễn thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực hoặc theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo thời hạn được quy định tại kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh và gửi kế hoạch về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để theo dõi, tổng hợp;

- Tổ chức pháp chế hoặc người làm công tác pháp chế của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định.

3.3. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND cấp huyện

- Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm của UBND tỉnh và tình hình thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, UBND cấp huyện ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc địa bàn quản lý theo thời hạn được quy định tại kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh và gửi kế hoạch về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để theo dõi, tổng hợp;

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

3.4. UBND cấp xã ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý theo thời hạn quy định tại kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND cấp huyện và gửi về UBND cấp huyện (thông qua Phòng Tư pháp) để theo dõi, tổng hợp.

4. Kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì tham mưu UBND cùng cấp thực hiện

kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương đã được xác định trong kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm của UBND cùng cấp hoặc theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tham mưu UBND cùng cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật khi có yêu cầu.

5. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

- Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm của UBND cùng cấp, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND đề xuất, tham mưu UBND cùng cấp thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp theo đề nghị của cơ quan được giao chủ trì thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật liên quan đến lĩnh vực, địa bàn quản lý.

- Các cơ quan được giao chủ trì thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cho UBND cùng cấp.

6. Huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành hành pháp luật

- Công an tỉnh, Công an cấp huyện cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động điều tra hình sự và xử lý vi phạm hành chính cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động xét xử cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát thi hành pháp luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp huyện và các tổ chức thành viên cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp trong thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

- Hội Luật gia tỉnh cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến, kiến nghị của các luật gia về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

- Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến, kiến nghị của các luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

- Các hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

- Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh kịp thời cung cấp cho Sở Tư pháp ý kiến phản ánh từ dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cá nhân tham gia vào hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên.

7. Xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp

luật

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

- Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp:

+ Căn cứ kết quả thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; kết quả kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương; các đề xuất, kiến nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương về tình hình thi hành pháp luật để tổng hợp, tham mưu UBND cùng cấp xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

+ Tham mưu UBND cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, UBND cấp dưới trực tiếp kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương theo chỉ đạo của UBND cấp huyện và yêu cầu phối hợp của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

8. Cung cấp thông tin, số liệu xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh:

+ Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể ở cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân; báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý và gửi đến UBND cấp huyện (thông qua Phòng Tư pháp) trước ngày 02/12 hằng năm để Phòng Tư pháp tổng hợp, tham mưu UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện;

+ Các sở, ngành, đoàn thể ở tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân; báo cáo công

tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý gửi đến UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) trước ngày 05/12 hằng năm;

+ Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Xây dựng báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về thi hành pháp luật: các sở, ngành liên quan có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

- Xây dựng báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật:

+ Sở Tư pháp chủ trì xây dựng dự thảo báo cáo, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

+ Các sở, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan khi có yêu cầu./